

## HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN CÂY THUỐC Ở VƯỜN QUỐC GIA BÙ GIA MẬP TỈNH BÌNH PHƯỚC

NGUYỄN VIỆT THẮNG, NGUYỄN ĐẠI PHÚ

*Vườn Quốc gia Bù Gia Mập*

ĐẶNG VĂN SƠN

*Viện Sinh học Nhiệt đới*

Vườn Quốc gia (VQG) Bù Gia Mập nằm trong vùng chuyển tiếp giữa núi rừng Tây Nguyên và đồng bằng Nam Bộ, thuộc huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, với tổng diện tích tự nhiên 26.032 ha. Các hệ sinh thái chính của VQG bao gồm thảm rừng bán thường xanh, thường xanh và các kiểu sinh cảnh ngập nước. Nguồn tài nguyên thực vật ở đây rất đa dạng và phong phú, đặc biệt là tài nguyên cây thuốc. Bên cạnh đó, sự đa dạng và giao thoa kiến thức của nhiều cộng đồng dân tộc như S'Tiêng, M'Nông, Tày và Kinh đã tạo nên một kho tàng về kiến thức bản địa trong việc sử dụng cây cỏ chữa bệnh. Điều tra tài nguyên cây thuốc và kinh nghiệm dân gian về thu hái, chế biến các bài thuốc là vấn đề có ý nghĩa khoa học và thực tiễn trong việc bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững nguồn tri thức bản địa và tài nguyên thực vật tại đây.

### I. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Điều tra, thu thập thông tin từ những tài liệu, số liệu thống kê có liên quan đến đối tượng nghiên cứu. Sử dụng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia người dân (PRA) để thu thập thông tin về tình hình khai thác, mua bán, sử dụng, nhân trồng,.. của người dân địa phương trong các xã vùng đệm. Khảo sát thực địa theo tuyến nhằm thu mẫu thực vật có sự tham gia của người làm thuốc địa phương để xác định thành phần loài, mật độ, trữ lượng... các loài cây thuốc. Xác định tên khoa học của loài theo phương pháp hình thái so sánh dựa trên các sách chuyên ngành thực vật và các mẫu chuẩn được lưu giữ tại Viện Sinh học Nhiệt đới.

### II. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

#### 1. Đa dạng về thành phần loài cây thuốc

Kết quả điều tra và phân tích tài nguyên cây thuốc ở VQG Bù Gia Mập đã ghi nhận được 266 loài, 168 chi, 77 họ, 44 bộ thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là : Thông đất (Lycopodiophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta), Ngọc lan (Magnoliophyta). Trong đó, ngành Thông đất có 1 loài, 1 chi, 1 họ; ngành Dương xỉ có 4 loài, 3 chi, 2 họ; ngành Thông có 7 loài, 3 chi, 3 họ; ngành Ngọc lan có 254 loài, 161 chi của 71 họ (Bảng 1).

*Bảng 1*

**Phân bố các taxon trong các ngành thực vật**

Ngành	Bộ		Họ		Chi		Loài	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Lycopodiophyta	1	2,3	1	1,3	1	0,6	1	0,4
Polypodiophyta	2	4,6	2	2,6	3	1,8	4	1,5
Pinophyta	3	6,8	3	3,9	3	1,8	7	2,6
Magnoliophyta	38	86,4	71	92,2	161	95,8	254	95,5
<b>Tổng</b>	<b>44</b>	<b>100</b>	<b>77</b>	<b>100</b>	<b>168</b>	<b>100</b>	<b>266</b>	<b>100</b>

Phân tích sâu hơn ngành Ngọc lan (Magnoliophyta) cho thấy: lớp Ngọc lan (Magnoliopsida) chiếm ưu thế với 218 loài (chiếm 82,0%) số loài cây thuốc ở đây, 133 chi (79,2%), số họ là 59 (76,6%), số bộ là 30 (68,2%); lớp Một lá mầm (Liliopsida) có tỷ lệ thấp hơn, có số loài là 36 (13,5%), số chi là 28 (16,7%), số họ là 12 (15,6%) và số bộ là 8 (18,2%) (Bảng 2). Như vậy có thể khẳng định được rằng lớp Ngọc lan chiếm ưu thế trong ngành thực vật hạt kín và thậm chí trong toàn hệ thực vật.

Bảng 2

**Phân bố các taxon trong ngành Ngọc lan (Magnoliophyta)**

Lớp	Bộ		Họ		Chi		Loài	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Liliopsida	8	18,2	12	15,6	28	16,7	36	13,5
Magnoliopsida	30	68,2	59	76,6	133	79,2	218	82,0
<b>Tổng</b>	<b>38</b>	<b>86,4</b>	<b>71</b>	<b>92,2</b>	<b>161</b>	<b>95,8</b>	<b>254</b>	<b>95,5</b>

Họ thực vật giàu loài nhất theo thứ tự là: họ Thầu dầu (Euphorbiaceae) có 20 loài, họ Cà phê (Rubiaceae) có 19 loài, họ Dâu tằm (Moraceae) có 17 loài, họ Cam (Rutaceae) có 12 loài, họ Trôm (Sterculiaceae) có 12 loài, họ Na (Annonaceae) có 11 loài, họ Gừng (Zingiberaceae) có 11 loài, họ Long não (Lauraceae) có 9 loài, họ Trúc đào (Apocynaceae) có 8 loài và họ Côm nguội (Myrsinaceae) có 7 loài. Đây là những họ có số lượng loài được sử dụng làm thuốc chiếm tỉ lệ lớn (47,37%) trong hệ thực vật của VQG (Bảng 3).

Bảng 3

**Thông kê các họ thực vật có nhiều loài nhất**

TT	Họ thực vật	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Euphorbiaceae (Thầu dầu)	20	7,5
2.	Rubiaceae (Cà phê)	19	7,1
3.	Moraceae (Dâu tằm)	17	6,4
4.	Rutaceae (Cam)	12	4,5
5.	Sterculiaceae (Trôm)	12	4,5
6.	Annonaceae (Na)	11	4,1
7.	Zingiberaceae (Gừng)	11	4,1
8.	Lauraceae (Long não)	9	3,4
9.	Apocynaceae (Trúc đào)	8	3,0
10.	Myrsinaceae (Côm nguội)	7	2,6

Có 6 chi có số lượng loài có giá trị làm thuốc nhiều nhất là chi Sung (*Ficus*) có 12 loài, chi Côm nguội (*Ardisia*) có 8 loài, chi Bứa (*Garcinia*) có 6 loài, chi Tô kén (*Helicteres*) có 5 loài, chi Trâm (*Syzygium*) có 5 loài và chi Dây gấm (*Gnetum*) có 5 loài (Bảng 4).

Bảng 4

**Thông kê các chi có nhiều loài nhất**

TT	Chi thực vật	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	<i>Ficus</i> (Sung)	12	4,5
2.	<i>Ardisia</i> (Côm nguội)	8	3,0
3.	<i>Garcinia</i> (Bứa)	6	2,3
4.	<i>Helicteres</i> (Tô kén)	5	1,9
5.	<i>Syzygium</i> (Trâm)	5	1,9
6.	<i>Gnetum</i> (Dây gấm)	5	1,9

## 2. Đa dạng về dạng sống của cây thuốc

Dạng sống của thực vật có giá trị làm thuốc ở VQG Bù Gia Mập được chia làm 4 nhóm chính là: cây gỗ, cây bụi, dây leo, cây thảo. Trong đó, nhóm cây gỗ có 61 loài chiếm 22,8%, nhóm cây bụi có 143 loài chiếm 53,8%, nhóm dây leo có 27 loài chiếm 10,2% và nhóm cây thảo có 35 loài chiếm 13,2% trong các loài làm thuốc ở VQG. Như vậy, nhóm cây bụi và cây gỗ có số lượng loài chiếm ưu thế so với các nhóm cây khác ở VQG (Bảng 5).

Bảng 5

**Dạng sống của thực vật có giá trị làm thuốc ở VQG**

STT	Dạng sống	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.	Cây thảo	35	13,2
2.	Cây gỗ	61	22,8
3.	Cây bụi	143	53,8
4.	Dây leo	27	10,2

## 3. Đa dạng về nguồn gen quý hiếm

Theo thang đánh giá của Hội liên hiệp bảo tồn thế giới (IUCN, 2010), Sách Đỏ Việt Nam (SDVN 2007) và Nghị định số 32/2006/NĐ-CP của Chính phủ, thì tài nguyên cây thuốc ở VQG Bù Gia Mập có 16 loài có giá trị bảo tồn, chiếm 6,1% trong tổng số 266 loài có giá trị làm thuốc ở VQG (Bảng 6). Trong đó có 8 loài ở cấp độ ít nguy cấp (Lower risk - LR) chiếm 3,0%, 5 loài ở cấp độ Nguy cấp (Endangered - EN) chiếm 1,9%, 3 loài ở cấp độ Sẽ nguy cấp (Vulnerable - VU) chiếm 1,1%. Đặc biệt, có loài Gỗ đỏ (*Azelia xylocarpa*) được xếp thứ hạng nguy cấp ở 3 thang đánh giá là SDVN 2007, IUCN 2010 (nguy c **ấp** - EN) và NĐ32CP (hạn chế khai thác - HCKT).

Bảng 6

**Các loài cây thuốc nguy cấp**

TT	Tên khoa học	Tên Việt Nam	SDVN 2007	IUCN 2010	NĐ32 2006
1.	<i>Azelia xylocarpa</i> (Kurz) Craib.	Gỗ đỏ	EN	EN	HCKT
2.	<i>Ailanthus integrifolia</i> Lamk.	Càng hom		LR	
3.	<i>Alstonia scholaris</i> (L.) R. Br.	Mồ cua		LR	
4.	<i>Aquilaria crassna</i> Pierre ex Lec.	Trầm hương	EN		
5.	<i>Cratoxylum cochinchinensis</i> (Lour.) Bl.	Thành ngạnh nam		LR	
6.	<i>Cratoxylum formosum</i> (Jack.) Dyer.	Thành ngạnh đẹp		LR	
7.	<i>Dendrobium chrysotoxum</i> Lindl.	Kim điệp	EN		
8.	<i>Dialium cochinchinensis</i> Pierre.	Xây		VU	
9.	<i>Dipterocarpus costatus</i> Gaertn.	Dầu mít		EN	
10.	<i>Hopea odorata</i> Roxb.	Sao đen		VU	
11.	<i>Irvingia malayana</i> Oliv. Ex Benn.	Kơ nia		LR	
12.	<i>Mangifera minutifolia</i> Evr.	Xoài rừng		VU	
13.	<i>Scaphium macropodium</i> (Miq.) Beumee.	Lưỡi ươi		LR	
14.	<i>Shorea obtusa</i> Wall.	Cà chắc		LR	
15.	<i>Shorea roxburghii</i> G. Don.	Sến mù		EN	
16.	<i>Tetrameles nudiflora</i> R. Br.	Tung		LR	

**5. Đánh giá hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn tài nguyên cây thuốc**

Các loài cây có giá trị làm thuốc được khai thác và sử dụng với số lượng nhiều ở VQG gồm: Bá bệnh (*Eurycoma longifolia*), Bí kì nam (*Hydnophytum formicarum*), Hà thủ ô trắng (*Stretocaulon juvenas*), Sâm cau (*Curculigo* sp.), Ba gạc (*Rauwolfia* sp.), Thiên niên kiện (*Homalomena occulata*), Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Lạc tiên (*Pasiflora foetida*)...

Kết quả điều tra ở 3 thôn (Bù Lư, Đắc Côn và Bù Gia) của xã Bù Gia Mập đã xác định được 57 bài thuốc, với 11 nhóm công dụng khác nhau bao gồm: nhóm bài thuốc chữa kiết lỵ, đau bụng, tiêu chảy (có 11 bài thuốc); nhóm chữa dị ứng, mụn nhọt, viêm ngoài da (8 bài); nhóm trị ho, hen, cảm hàn (7 bài); nhóm trị sốt, sốt rét, hạ nhiệt (6 bài); nhóm dùng cho hậu sản (6 bài); nhóm trị đau thận, bí tiểu (5 bài); nhóm cầm máu (4 bài); nhóm chữa bong gân, gãy xương (4 bài); nhóm chữa đau lưng, viêm khớp, nhức mỏi (3 bài); nhóm trị đau mắt (2 bài) và nhóm trị bệnh liên quan thần kinh (1 bài). Các bài thuốc được điều tra cần thận, ghi rõ thành phần, bộ phận sử dụng, cách pha chế và sử dụng. Trong các bài thuốc có thể được pha chế kết hợp nhiều loài cây, mỗi loài cây cũng được sử dụng ở nhiều bài thuốc khác nhau với công dụng khác nhau. Cách pha chế cũng khá đơn giản, dễ làm và nhanh chóng. Có bài thuốc chỉ dùng cây tươi, hoặc rang vàng nghiền lấy bột dùng, hoặc nấu nước uống,...

Bảng 7

**Một số bài thuốc được người đồng bào sử dụng để chữa bệnh ở VQG**

**Bài 1: Dùng cho phụ nữ sau sinh - phụ nữ bị rong huyết**

Người được phỏng vấn: Sầm Thị Tường ở thôn Bù Lư, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Cỏ cút lợn (*Agerum conyzoides* L.)  
 Bộ phận sử dụng: Lá, thân, rễ hoặc cả cây  
 Cách sử dụng: Dùng cây tươi, rửa sạch, giã nát, vắt lấy nước và uống trong ngày. Uống trong vòng 3-4 ngày.

**Bài 2: Dùng cho phụ nữ sau sinh - phụ nữ kém ăn, vàng da sau khi sinh**

Người được phỏng vấn: Sầm Thị Sự ở thôn Bù Lư, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Cơm rượu (*Glycosmis pentaphylla* Corr.)  
 Bộ phận sử dụng: Lá  
 Cách sử dụng: Lá được sao vàng sau đó cho nước vào, sắc cho tới khi giảm phân nửa lượng nước cho vào thì uống được. Mỗi ngày uống 2 lần.

**Bài 3: Dùng cho trẻ em hạ nhiệt**

Người được phỏng vấn: Điều Thị PiA ở thôn Bù Gia, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Gáo (*Nauclea* sp.), Gáo trắng (*Neolamarckia cadamba*), Chiêu liêu xanh (*Terminalia alata*)  
 Bộ phận sử dụng: Rễ, thân  
 Cách sử dụng: Dùng rễ hoặc thân cây nấu nước để uống (nên uống nóng), hạ nhiệt rất nhanh.

**Bài 4: Trị ho ở trẻ em**

Người được phỏng vấn: Thị Den ở thôn Đắc Côn, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Kơ nia (*Irvingia malayana*)  
 Bộ phận sử dụng: Vỏ và hạt  
 Cách sử dụng: Dùng vỏ và hạt giã nhỏ sắc uống, hiệu quả sử dụng cao.

**Bài 5: Chữa bệnh ho đờm viêm quản**

Người được phỏng vấn: Điều Hân ở thôn Đắc Côn, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Nhân rừng (*Dimocarpus fumatus*), Keo tuyến to (*Acacia megaladena*)  
 Bộ phận sử dụng: Rễ  
 Cách sử dụng: Lấy rễ nấu nước uống.

**Bài 6: Chữa đau bụng, kiết lỵ**

Người được phỏng vấn: Điều Prec ở thôn Bù Lư, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Chiêu liêu ôi (*Terminalia* sp.), Bàng lãng (*Lagerstroemia* sp.)  
 Bộ phận sử dụng: Vỏ  
 Cách sử dụng: Lấy vỏ tươi sao vàng sau đó sắc lấy nước uống.

**Bài 7: Bồi bổ sức khỏe, an thần**

Người được phỏng vấn: Thị Dôi ở thôn Bù Gia, xã Bù Gia Mập  
 Tên cây: Lạc tiên (*Passiflora foetida*), Bí kì nam (*Hydnophytum formicarum*).  
 Bộ phận sử dụng: Cả cây  
 Cách sử dụng: Cắt cây sau đó nấu nước uống, rất tốt cho sức khỏe.

Các kết quả điều tra cũng cho thấy cộng đồng dân tộc ít người có kinh nghiệm sử dụng cây thuốc rất đa dạng. Hầu hết các bài thuốc tập trung ở các bệnh của phụ nữ sau sinh, bệnh tiêu chảy, bệnh dị ứng... Cùng một loại bệnh có nhiều cách dùng thuốc khác nhau, phụ thuộc vào kinh nghiệm của từng cộng đồng. Kết quả thu được cũng thấy rằng, kinh nghiệm sử dụng của nhóm cộng đồng dân tộc di cư từ phía Bắc vào thì phong phú và đa dạng hơn cộng đồng người bản địa. Người dân tộc bản địa ít khi biết kết hợp các loài cây khác nhau để tạo bài thuốc mà họ chỉ có kinh nghiệm sử dụng cây đơn lẻ để chữa bệnh. Điều đáng lưu ý là những người biết hái thuốc và kinh nghiệm sử dụng thuốc chủ yếu là phụ nữ còn nam giới hầu hết ít quan tâm đến việc sử dụng cây thuốc để chữa bệnh. Nhu cầu sử dụng từ thị trường đã khiến một số loài đã bị khai thác quá mức như Bí kì nam (*Hydnophytum formicarum*) với số lượng khoảng 30-60 kg tươi/ngày, Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*) khoảng 40- trên 60 kg tươi/ngày, Thiên niên kiện (*Homalomena occulta*) khoảng 10-20 kg tươi/ ngày... Hầu hết nguyên liệu tươi này đều được làm khô và bán cho các cơ sở thu mua ở chợ Đăk Ô. Mức thu nhập trung bình của các hộ hành nghề thuốc nam tại 3 thôn điều tra khoảng 90-120 nghìn đồng/ngày.

**III. KẾT LUẬN**

Nguồn tài nguyên cây thuốc VQG Bù Gia Mập đã ghi nhận được 266 loài, 168 chi, 77 họ của 44 bộ, thuộc 4 ngành thực vật bậc cao có mạch là Thông đất (Lycopodiophyta), Dương xỉ (Polypodiophyta), Thông (Pinophyta) và Ngọc lan (Magnoliophyta).

Những họ thực vật có nhiều loài nhất bao gồm: Thầu dầu (Euphorbiaceae), Cà phê (Rubiaceae), Dâu tằm (Moraceae), Cam (Rutaceae), Trôm (Sterculiaceae), Na (Annonaceae), Gừng (Zingiberaceae), Long não (Lauraceae), Trúc đào (Apocynaceae) và Com ngội (Myrsinaceae).

Dạng sống của các loài cây thuốc cũng khá đa dạng: các loài là cây gỗ 61 loài, cây bụi 143 loài, cây thảo 35 loài và dây leo 27 loài. Có 16 loài cây thuốc có giá trị bảo tồn theo thang đánh giá của IUCN (2010), Sách Đỏ Việt Nam (2007) và Nghị định số 32 của Chính phủ (2006).

Các loài cây thuốc được khai thác và sử dụng phổ biến là Bá bệnh (*Eurycoma longifolia*), Bí kì nam (*Hydnophytum formicarum*), Hà thủ ô trắng (*Stretocaulon juvenas*), Sâm cau (*Curculigo* sp.), Ba gạc (*Rauwolfia* sp.), Thiên niên kiện (*Homalomena occulata*), Hoàng đằng (*Fibraurea tinctoria*), Lạc tiên (*Pasiflora foetida*).

Đã xác định được một số các bài thuốc chữa một số bệnh khác nhau của đồng bào các dân tộc ở VQG Bù Gia Mập. Việc sưu tầm, phát hiện các bài thuốc quý tại đây nhằm từng bước góp phần vào việc bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững chúng là những vấn đề cần được quan tâm trong hiện tại và tương lai.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bộ KHCN&MT**, 2007: Sách Đỏ Việt Nam, Phần Thực vật. NXB. KHTN&CN, Hà Nội.
2. **Đỗ Huy Bích và cs.**, 2006: Cây thuốc và động vật làm thuốc ở Việt Nam, tập 1,2. NXB. KH&KT.
3. **Đỗ Tất Lợi**, 2009: Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam, NXB. Y học - Thời đại.
4. **Nguyễn Nghĩa Thìn**, 2001: Thực vật học dân tộc - Cây thuốc của đồng bào Thái Con Công Nghệ An. NXB. Nông nghiệp.
5. **Nguyễn Tập**, 2007: *Cẩm nang cây thuốc cần được bảo vệ ở Việt Nam*.
6. **Phạm Hoàng Hộ**, 1999-2000: Cây cỏ Việt Nam, tập 1, 2, 3. NXB. Trẻ.
7. **Phạm Hoàng Hộ**, 2006: Cây có vị thuốc ở Việt Nam. NXB. Trẻ.
8. **Trần Đình Lý**, 1995: 1900 loài cây có ích. NXB. Thế giới, Hà Nội.
9. **Võ Văn Chi**, 1997: Từ điển cây thuốc Việt Nam. NXB. Y học.

### THE STATUS OF MEDICINAL PLANT RESOURCES IN BU GIA MAP NATIONAL PARK, BINH PHUOC PROVINCE

NGUYEN VIET THANG, NGUYEN DAI PHU, DANG VAN SON

#### SUMMARY

Bu Gia Map National Park in Binh Phuoc province has high diversity of medicinal plants. The survey results identified 266 species, 168 genera, 77 families, 44 orders belonging to four phyla (*Lycopodiophyta*, *Polypodiophyta*, *Pinophyta* and *Magnoliophyta*). There are some species which are exploited in large quantities such as *Eurycoma longifolia*, *Hydnophytum formicarum*, *Fibraurea tinctoria*, *Homalomena occulta*, etc. and 16 species are listed for conservation by the Vietnam Red Data Book, Part II. Plants (2007) and the IUCN Red List (IUCN, 2010).